

CÔNG TY CỔ PHẦN MHB GLOBAL
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MHB GLOBAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MHB GLOBAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MHB GLOBAL.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110844729

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 33 ngách 41/22 Khương Đình, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng, clanhke, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi	4663
2.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9, Nghị định 10/2020/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) - Vận tải hàng hóa Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế Kinh doanh vận tải đa phương thức nội địa (Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 144/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung các Nghị định về vận tải đa phương thức)	4933(Chính)
3.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	5012
4.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
5.	Dịch vụ đóng gói (không bao gồm đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
6.	Cho thuê xe có động cơ (Trừ hoạt động đầu giá)	7710

7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Kinh doanh vận tải hàng hoá đa phương thức; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Dịch vụ xếp dỡ container, trừ dịch vụ cung cấp tại các sân bay. - Kiểm tra vận đơn, dịch vụ môi giới vận tải hàng hóa, kiểm định hàng hóa, dịch vụ lấy mẫu và xác định trọng lượng; dịch vụ nhận và chấp nhận hàng; dịch vụ chuẩn bị chứng từ vận tải. - Dịch vụ hỗ trợ bán buôn, hỗ trợ bán lẻ bao gồm cả hoạt động quản lý hàng lưu kho, thu gom, tập hợp, phân loại hàng hóa và giao hàng. (trừ hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không)	5229
8.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
11.	Bốc xếp hàng hóa	5224
12.	Bưu chính	5310
13.	Chuyển phát Chi tiết: - Dịch vụ chuyển phát nhanh bưu phẩm, bưu kiện hàng hóa trong nước và quốc tế;	5320
14.	Sản xuất sắt, thép, gang Chi tiết: Điều hành lò luyện kim, máy chuyển thành thép, cán và hoàn thiện; Sản xuất hợp kim sắt như: Ferocrom, Ferosilicon và các hợp kim sắt	2410
15.	Xây dựng công trình điện	4221
16.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
18.	Bán buôn thực phẩm	4632
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn thiết bị thủy lực, máy nén khí, máy cơ khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị bảo hộ lao động, máy móc thiết bị phụ tùng tàu thủy, neo, tời, xích, cầu, thiết bị cứu sinh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nâng hạ	4659

20.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Chi tiết: Hoạt động liên quan đến kế toán và tư vấn về thuế	6920
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ, hàng trang trí nội thất - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác	4649
23.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
24.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
25.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: - Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình; - Sản xuất phim	5911
26.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
27.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
28.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (trừ phòng trà ca nhạc, vũ trường và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).	9000
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Trừ hoạt động đầu giá)	8299
30.	Sao chép bản ghi các loại (trừ các loại Nhà nước cấm)	1820
31.	Bán buôn đồ uống	4633
32.	Hoạt động hậu kỳ	5912
33.	Xuất bản phần mềm	5820
34.	Bán buôn tổng hợp (trừ các loại Nhà nước cấm)	4690
35.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
36.	In ấn (trừ in tráng bao bì kim loại, in trên sản phẩm vải, sợi, dệt, may đan)	1811
37.	Cổng thông tin Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, Thiết lập mạng xã hội (Không bao gồm hoạt động báo chí) (Điều 23, Điều 24 Nghị định 72/2013/NĐ-CP; Khoản 7 Điều 1 Nghị định 27/2018/NĐ – CP)	6312

38.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
39.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
40.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển. thiết bị xây dựng; Cho thuê thiết bị nâng cầu hàng hoá; Cho thuê container	7730
41.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí	6399
42.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
43.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
44.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
45.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
46.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
47.	Hoạt động chiếu phim	5914
48.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
49.	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: Dịch vụ in phóng ảnh, chụp ảnh, quay video (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
50.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế quảng cáo	7410
51.	Lập trình máy vi tính	6201
52.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
53.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền (Khoản 5 Điều 1 Nghị định 27/2018/NĐ – CP)	6209
54.	Xây dựng nhà để ở	4101
55.	Xây dựng nhà không để ở	4102
56.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
57.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
58.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
59.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
60.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
61.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
62.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293

63.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng khu đô thị	4299
64.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
65.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh	4329
66.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
67.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng - Các công việc dưới bề mặt; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
68.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Trừ hoạt động nhà nước cấm)	7110
69.	Phá dỡ	4311
70.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
71.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
72.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
73.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
74.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)	4530
75.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
76.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn dầu thô; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (Điều 13, Nghị định 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu)	4661
77.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không kinh doanh vàng)	4662
78.	Khai thác quặng sắt	0710
79.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium	0721
80.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
81.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
82.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899

83.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
84.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
85.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. (Trừ: Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng) (Căn cứ khoản 1 Điều 3 Luật Kinh doanh Bất động sản 2023)	6810
86.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (không bao gồm các hoạt động đấu giá)	6820
87.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
88.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất gia công hàng thủ công mỹ nghệ, hàng trang trí nội thất; sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ, sản xuất bột giấy, tái chế phế thải tại trụ sở).	1629
89.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Chi tiết: Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ từ gốm sứ (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	2393
90.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ phân bón - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
91.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
92.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
93.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
94.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
95.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
96.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn (Loại trừ sản xuất huy hiệu và huân huy chương quân đội bằng kim loại)	2599
97.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
98.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
99.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
100.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm quà tặng như: thú nhồi bông, giỏ hoa, đồ thủ công, đồ lưu niệm...	3290

101.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ bán buôn động vật sống bị cấm theo quy định của pháp luật)	4620
102.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
103.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
104.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	4764
105.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
106.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
107.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động đấu giá)	4789
108.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
109.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn giáo dục,	8560
110.	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực xử lý nước thải; Thoát nước và xử lý nước thải;	3700

6. Vốn điều lệ: 2.168.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 216.800

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐÀO THU HƯƠNG	Xóm Chùa Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	0011780314 70	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Cổ phần phổ thông	71.544	715.440.000	33,000		
			Tổng số	71.544	715.440.000	33,000		
2	NGUYỄN THANH NGA	Phòng 1613, Tòa 21B5 Khu Chung cư Green Star, 234 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuê 1, Quận Bắc Tùng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	0273030002 20	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	73.712	737.120.000	34,000		
			Cổ phần phổ thông	73.712	737.120.000	34,000		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		

3	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	Tổ 5 Ninh Mỹ, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	034193009746
			Cổ phần phổ thông	71.544	715.440.000	33,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	71.544	715.440.000	33,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THANH NGABGiới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/12/2003Dân tộc: KinhQuốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027303000220

Ngày cấp: 04/05/2021Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 1613, Tòa 21B5 Khu Chung cư Green Star, 234 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 1613, Tòa 21B5 Khu Chung cư Green Star, 234 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội